



002202603250266

越南

双 E



WF2602375

260321 001 00021 2/3



260089646-002 2/3 ②
越南 EDC
2026/04/13 002

证明书

CERTIFICATE



中国国际贸易促进委员会
中国国际商会

China Council for the Promotion of International Trade
China Chamber of International Commerce

中国国际贸易促进委员会 中国国际商会



China Council for the Promotion of International Trade
China Chamber of International Commerce

证明书 CERTIFICATE



号码 No. 261100B0/016822

兹证明：在所附文件上的南京卡艾斯机械科技有限公司黄庆高的
签字及该公司的印章属实。

THIS IS TO CERTIFY THAT: the signature of HUANG QINGGAO
of CIS Medical Technology (Nanjing) Co., Ltd. and the
seal of the said company on the annexed DOCUMENT are
genuine.

China Council for the Promotion
of International Trade



授权签字:

Authorized
Signature: Sun Jia

日期: 2026年03月24日
(Date: Mar. 24, 2026)

查询网址 Website for verifying the certificate: <https://www.ccpitssrz.cn/validate.html>



CIS Medical Technology (Nanjing) Co., Ltd

Ngày 06 Tháng 01 năm 2026

Date: January 06, 2026

GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH CERTIFICATE OF ELIGIBILITY TO PROVIDE WARRANTY

Tên: CIS Medical Technology (Nanjing) Co., Ltd.

Name: CIS Medical Technology (Nanjing) Co., Ltd.

Địa chỉ: 2nd Floor, Building 2, Block 01, Kairun Mansion, No. 8 Wenzhu Road, Yuhuatai District, Nanjing City, Jiangsu Province China 210012.

Address: 2nd Floor, Building 2, Block 01, Kairun Mansion, No. 8 Wenzhu Road, Yuhuatai District, Nanjing City, Jiangsu Province China 210012.

Với tư cách là chủ sở hữu thiết bị xác nhận cơ sở có tên dưới đây đủ điều kiện bảo hành thiết bị sau của CIS Medical Technology (Nanjing) Co., Ltd:

As the owner of devices confirms that the establishment named below is eligible to provide warranty for the following devices of CIS Medical Technology (Nanjing) Co., Ltd.

Tên thiết bị y tế Name of Medical devices	Tên cơ sở bảo hành Name of Warranty Facility	Mã số thuế Tax code:	Địa chỉ Address	Điện thoại cố định Telephone No.	Điện thoại di động Mobile phone No.
Danh mục đính kèm Attached list	Công ty cổ phần y tế CDSMED CDSMED Medical Joint Stock Company	0106486319	B17, Lô 3, KĐT Định Công, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. B17, Lot 3, Dinh Cong Urban Area, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam	+84982.6767 51	+84982.6767 51



DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ
LIST OF MEDICAL DEVICES

Số No.	Tên sản phẩm Product Name	Mã sản phẩm Model
1	Laparoscopic Instrument Box	LHJ-542507
2	Laparoscopic Instrument Box	LHJ-542510
3	Laparoscopic Instrument Box (2 layers)	LHJ-533015-2
4	Laparoscopic Instrument Box (2 layers)	LHJ-542510-2
5	Endoscope Box	LHJ-450804
6	Endoscope Box	LHJ-270804;
7	Endoscope Box	LHJ-580804
8	Endoscope Box	LHJ-650804
9	Electric Cutting Mirror Instrument Box	LHJ-422809
10	Percutaneous Nephroscope Box	LHJ-452007
11	Cystoscope Instrument Box (2 layers)	LHJ-532309-2
12	Electric Uterine Cutting Instrument Box (3 layers)	LHJ-552513-3
13	Laryngoscope Instrument Box (2 layers)	LHJ-432109-2
14	Sinoscope Instrument Box (3 layers)	LHJ-362609-3
15	Universal Box	LHJ-302005
16	Universal Box	LHJ-302007
17	Universal Box (2 layers)	LHJ-302009-2
18	Microscope Box with Silicone Pad	LHJ-251602
19	Microscope Box with Silicone Pad	LHJ-261603
20	Microscope Box with Silicone Pad (2 layers)	LHJ-261604-2
21	Microscope Box with Silicone Bracket	LHJ-252505
22	Microscope Box with Silicone Bracket	LHJ-271206



23	Microscope Box with Silicone Bracket	LHJ-252507
24	Microscope Box with Silicone Bracket	LHJ-372305
25	Microscope Box with Silicone Bracket	LHJ-372307
26	Microscope Box with Silicone Bracket (2 layers)	LHJ-252510-2
27	Flexible Choledochoscope Box	LHJ-603010
28	Complete Set of Intervertebral Foramen Mirror Apparatus (3 layers)	LHJ-542513-3
29	Intervertebral Foraminal Endoscope Box	LHJ-361307
30	Hysteroscope Box	LHJ-401407
31	Universal Instrument Box	LHJ-602505
32	Universal Instrument Box	LHJ-602510
33	Ureteroscope Box	LHJ-601408
34	Ureteroscope Box	LHJ-661408
35	Ureteroscope Box	LHJ-701408
36	Ureteroscope Box	LHJ-732010
37	Arthroscopic Instrument Box (2 layers)	LHJ-432514-2
38	PPSU Endoscope Box	PPSU-450704
39	PPSU Endoscope Box	PPSU-270704
40	PPSU Microscope Box with Silicone Pad	PPSU-221402
41	PPSU Microscope Box with Silicone Pad	PPSU-160902
42	PPSU Microscope Box with Silicone Pad	PPSU-261602
43	PPSU Microscope Box with Silicone Pad (2 layers)	PPSU-261504-2
44	Silicone Resin Endoscope Box (white)	GSZ-321006
45	Silicone Resin Endoscope Box (white)	GSZ-461006
46	Stainless Steel Basket	BXG-270905
47	Stainless Steel Basket	BXG-450905
48	Silicone Pad	SP-3020

促进
CAT
专用
IT
ON OF
限
中



CIS Medical Technology (Nanjing) Co., Ltd

49	Silicone Pad	SP-5425
50	Silicone Pad	SP-6030
51	Silicone Pad	SP-7648
52	Silicone Slot Strip	SST-230
53	Silicone Slot Strip	SST-075

Người đại diện hợp pháp của Chủ sở hữu

Legal representative of the owner

Chức vụ/ Title: General Manager


Chữ ký/ Sign: James Huang 黄庆高



Huang Qingsao 黄庆高






ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM TẠI CHND TRUNG HOA
Embassy of the S.R. of Viet Nam in the P.R. of China

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ
CONSULAR AUTHENTICATION / LEGALISATION

1. Quốc gia: VIỆT NAM Country: VIET NAM

Giấy tờ tài liệu này
This public document

2. do Ông (Bà) *Alan bin* ký
has been signed by

3. với chức danh/Acting in the capacity of
Bí thư Thứ Nhất

4. và con dấu của Vụ Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Trung Quốc
bears the seal/stamp of Consular Dept. of MOFA of P.R. of China
Được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự
Certified

5. tại Bắc Kinh/At Beijing 6. ngày/the *27* /03 /2026

7. Cơ quan cấp: Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại CHND Trung Hoa
by Embassy of the S.R. of Viet Nam in the P.R. of China

8. Số/No. *9757* /2026
KT. Đại sứ / For the Ambassador
Công sứ / Minister

AKS
Ninh Thành Công

Ghi chú: (i) Tên này không chứng nhận về nội dung và hình thức của giấy tờ, tài liệu. This Certificate does not certify the content or form of the document of which it was issued.
(ii) Tên chỉ có giá trị sử dụng tại Việt Nam. This certificate is valid for use in Viet Nam only.

